TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số : 55/2025/HS -ST Ngày 05 - 8 - 2025	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Từ Anh Tuấn và ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/7/2025 và ngày 05/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, cơ sở 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 204/2025/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229 /2025/QĐXXST-HS ngày 29/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/HSST ngày 08/7/2025 đối với các bị cáo.

1.Lê Bảo Thành N, sinh ngày 21/6/1989 tại tỉnh Khánh Hoà; số CCCD 0560.8900.7350 cấp ngày 28/6/2021; thường trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo (Thiên chúa giáo); nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê H (đã chết) và con bà Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1990 và có 02 con ruột sinh năm 2015 và năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị bắt tạm giam ngày 24/9/2024, có mặt.

2. Bùi Nguyễn Tấn V, sinh ngày 02/01/1996 tại tỉnh Khánh Hoà; số CCCD 0560.9600.4197 cấp ngày 14/8/2021; thường trú: Thôn Q, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ học vấn: 10/12; con ông Bùi Đình D, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1976; bị cáo có vợ tên Trần Ngọc T1, sinh năm 1992 và có 02 con ruột sinh năm 2018 và năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân:

+ Ngày 27/11/2023, Công an xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo quyết định số 13.

+ Ngày 27/11/2023, UBND xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) ra quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, theo quyết định số 567. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/9/2024, có mặt.

3. Lê Văn T2, sinh ngày 07/8/1986 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); số CCCD 0360.8601.0488 cấp ngày 03/7/2022; thường trú: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình); chổ ở: Tổ D khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Văn L1 (đã chết) và con bà Trần Thị M, sinh năm 1951 (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1985 và có 02 con ruột sinh năm 2009 và năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo bị bắt giam ngày 24/9/2024, có mặt.

4. Lê Thành P, sinh ngày 29/7/1996 tại tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng); số CCCD 0580.9600.4160 cấp ngày 25/6/2021; thường trú: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Bình Thuận (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 8/12; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1965 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1967; bị cáo có 5 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 5; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị bắt tạm giam ngày 18/9/2024, có mặt.

5. Nguyễn Xuân T3, sinh ngày 13/7/1992 tại tỉnh Hà Tĩnh; số CCCD 0420.9200.1606; thường trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh); chỗ ở: Số E đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán quán ăn; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Xuân D1, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Lê Thị T4, sinh năm 1995 và có 02 con ruột sinh năm 2017 và năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có

Tiền án: Ngày 21/11/2012, Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm xử phạt 36 tháng tù giam về tội "Cố ý gây thương tích", theo bản án số 105, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/3/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị bắt tạm giam ngày 02/10/2024, có mặt.

6. Lê Xuân H3, sinh ngày 13/11/1989 tại tỉnh Nghệ An; số CCCD 0400.9004.0941 cấp ngày 03/01/2023; thường trú: Xóm G xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Xuân P1, sinh năm 1966 và con bà Trần Thị N2, sinh năm 1968; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 19/5/2023, Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 -Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù giam về các tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Bắt giữ người trái pháp luật", theo bản án số 116. Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam C1. Bị cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt phiên tòa.

7. Trịnh Văn Đ1, sinh ngày 20/11/1996 tại tỉnh Thanh Hoá; số CCCD 0380.9600.5182 cấp ngày 26/9/2021; thường trú: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường H, tỉnh Thanh Hóa); chỗ ở: 1 B, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trịnh Văn T5, sinh năm 1960 (đã chết) và con bà Vũ Thị Y, sinh năm 1962; bị cáo có 3 anh chị em ruột, bị cáo là thứ 3; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị bắt tạm giam ngày 10/10/2024, có mặt

8. Nguyễn Trọng C, sinh ngày 20/12/1992 tại tỉnh Khánh Hoà; số CCCD 0560.9201.4372 cấp ngày 08/5/2022; thường trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa); chỗ ở: A T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Sale thị trường; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Minh T6, sinh năm 1966 và con bà Hồ Thị Ngọc L2, sinh năm 1972; bị cáo có 03 anh em ruột, bị cáo là lớn nhất; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2024 đến ngày 15/01/2025 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh, có mặt.

Bị hại:

1. Anh Trần Hữu T7, sinh năm 1991; thường trú: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt

2. Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1990; thường trú: Xóm C xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã Đ, tỉnh Nghệ An), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phan Văn H5, sinh năm 1970; thường trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai), vắng mặt.

2. Chị Đinh Thị T8, sinh năm 1983; thường trú: 28 đường M, khu phố Đ, phường D , tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

3. Anh Lê Văn Đ2, sinh năm 1989; thường trú: Làng H, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai (nay là xã S, tỉnh Gia Lai), vắng mặt

4. Anh Nguyễn Hữu Đ3, sinh năm 1991; thường trú: Xóm D, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh), vắng mặt

5. Anh Hà Huy N3, sinh năm 1981; thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là xã T, tỉnh Nghệ An), vắng mặt

6. Anh Nguyễn Hữu L3, sinh năm 1989; thường trú: Xóm D, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã C, tỉnh Hà Tĩnh), vắng mặt

7. Anh Nguyễn Trọng Đ4, sinh năm 1996; thường trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (nay là xã C, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

Người bào chữa: Ông Trần Mạnh T9, Luật sư - Công ty L4, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Lê Văn T2, có mặt

Người làm chứng: 1. Chị Dương Thị H6; 2. Chị Lê Thị Bích H7; 3. Chị Nguyễn Thị H8, tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016 Dư Việt D2, sinh năm 1980, thường trú: Số B đường M, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) là chủ quán K. Làm tại đây có anh Phan Văn H5 là nhân viên bảo vệ trông giữ xe. Bị cáo Lê Bảo Thành N là quản lý quán. Bị cáo Lê Văn T2 nhân viên bảo vệ, giữ xe. Các bị cáo Bùi Nguyễn Tấn V, Lê Thành P, Nguyễn Trọng C, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Xuân T3, Lê Xuân H3 là nhân viên của quán K. Nguyễn Thị G (không rõ nhân thân) làm lao công quét dọn và Trần Văn Đ5 nhân viên phục vụ quán.

Khoảng 11 giờ ngày 01/5/2016, nhóm khách gồm Trần Hữu T7, Nguyễn Văn H4, Lê Văn Đ2, Nguyễn Hữu Đ3, Hà Huy N3, Nguyễn Hữu L3, Dương Thị H6 cùng T4 và H7 (không rõ nhân thân) cùng 01 số bạn đến quán K để hát tại phòng Party 1. Đến 12 giờ 15 phút cùng ngày, anh Nguyễn Hữu Đ3, T4 và H7 ra về trước. Anh Đ3 làm mất thẻ xe anh Lê Văn T2, anh Phan Văn H5 không cho lấy xe và yêu cầu Đ3 cung cấp giấy tờ xe và giấy chứng minh nhân dân ra đối chiếu. Anh Đ3 cãi nhau, chửi tục và dùng nón bảo hiểm ném về phía T2 nhưng không trúng. Lúc này, Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1 từ trong quán ra lấy xe mô tô để đi đám cưới, biết sự việc N, V1 đến nói chuyện hòa giải cho các bên bắt tay nhau giải huề. Thời điểm này H7 chạy vào phòng Party 1 kêu những người bạn còn lại ra can ngăn. Trần Hữu T7 cầm 01 ly thủy tinh loại có quai (dùng uống bia) đi cùng Nguyễn Văn H4, Lê Văn Đ2, Nguyễn Hữu L3, Hà Huy N3 từ phòng Party1 chạy bộ ra bãi xe máy bênh vực, chửi, xô đẩy N, V1, T2 và anh H5. Cùng thời điểm có Lê Thành P, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Xuân T3, Trịnh Văn Đ1 và Nguyễn Thị G đi từ trong quán K ra bãi xe để can ngăn nhóm khách và nhân viên quán Karaoke. Trần Hữu T7 cầm ly thủy tinh mang theo đập vào đầu Lê Bảo Thành N làm vỡ ly, N bị chảy máu. Tiếp đó T7 cùng H4, Đ2, L3, N3, Đ1, T4 ép N, V1, T2 vào sát bức tường rào bãi giữ xe dùng tay chân đánh.

Thời điểm này Dư Việt D2 đang ở quầy thu ngân biết sự việc đã đi ra chỗ các bên xô xát, khi thấy nhân viên của quán bị đánh, D2 ra can ngăn thì bị nhóm T7 đánh, D2 chạy đến tủ đựng đồ của nhân viên cách nơi xô xát khoảng 03 m lấy 01 cây rựa dài khoảng 60cm cầm ra đánh đuổi chém nhóm khách đang đánh nhóm nhân viên của mình. Khi thấy D2 cầm dao đuổi, đánh chém nhóm khách, lúc này Trịnh Văn Đ1, Lê Thành P, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Xuân T3, Bùi Nguyễn Tấn V, Lê Bảo Thành N, Lê Văn T2 dùng tay chân, xô đựng đá, bàn nhựa, ghế nhựa, ống tuýp, quạt... có sẵn tại khu vực nhà giữ xe đánh trả lại nhóm khách. Lê Xuân H3, Trần Văn Đ5, Nguyễn Thị G chạy vào bếp lấy cây lau nhà, cây lau sàn, chổi quét sân, búa đập mực (mực khi nướng xong sử dụng búa nhỏ đập cho mềm), búa đóng đinh, búa đẽo, ống tuýp, dao, kéo... chạy ra đuổi, đánh nhóm khách tại khu vực trước cửa bếp và truy đuổi theo nhóm bị hại ra sân ô tô của quán. Thời điểm này Dư Việt D2 hô to "đóng cổng lại, chờ Công an đến giải quyết" Lê Văn T2, Trịnh Văn Đ1, Bùi Nguyễn Tấn V, Nguyễn Xuân T3 chạy ra đóng cổng (T2 ở lại canh giữ cổng). Tiếp đó D2 cùng các nhân viên quán dùng rựa, dao, cây để đuổi đánh chém Nguyễn Văn H4, Trần Hữu T7, Lê Văn Đ2 gây thương tích vùng đầu, người và tay.

Lê Bảo Thành N bị thương tích chảy nhiều máu ở vùng đầu (do T7 dùng ly

thủy tinh đập vào đầu) nên Nguyễn Trọng Đ4 cùng Lê Xuân H3 chở N đến Bệnh viện N5 cấp cứu khâu vết thương.

Khi Đ4 và H3 quay về quán thì Công an phường D đến giải quyết đưa tất cả về làm việc đồng thời ra Quyết định tạm giữ đối với Dư Việt D2, Lê Bảo Thành N, Nguyễn Trọng Đ4, Trịnh Văn Đ1, Trần Văn Đ5, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Xuân T3, Lê Thành P về hành vi "Cố ý gây thương tích". Riêng Lê Xuân H3, Nguyễn Thị G không bị tạm giữ.

Quá trình các bên đánh nhau Phan Văn H5 là bảo vệ, trông giữ xe không tham gia đánh, chỉ can ngăn.

Vật chứng thu giữ: 01 động cơ quạt máy có cánh quạt và vỏ bao bên ngoài; 10 miếng bê tông gạch block bị bể; 01 cây rựa dài khoảng 60cm có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu đen; 01 cây rìu dài khoảng 50cm, cán cầm bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại sắc; 01 con dao cán cầm màu đen bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại màu trắng sắc nhọn, dài khoảng 30cm (thường gọi dao Thái Lan); 01 cây búa dùng để đập mực bằng kim loại màu trắng sáng; 01 đoạn tuýp kim loại tròn, dài khoảng 50cm; 01 đoạn ống kim loại bọc nhựa màu xanh dài khoảng 50cm; 01 cây búa đóng đinh dài khoảng 30cm; 03 cán cây chổi; 01 cây gậy tre; 01 thân cây quạt đứng; 03 mũ bảo hiểm; 01 thùng nhựa đá; 01 chiếc bàn nhựa bị bể màu xanh.

Ngày 10/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ, ra Quyết định trả tự do cho Dư Việt D2, Lê Bảo Thành N, Nguyễn Trọng Đ4, Trịnh Văn Đ1, Trần Văn Đ5, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Xuân T3, Lê Thành P để chờ kết luận giám định thương tích. Các đối tượng sau khi trả tự do, các bị hại đều không đến làm việc. Ngày 22/6/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra thống nhất với Viện kiểm sát ra văn bản lưu tin báo.

Ngày 19/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D (nay là Công an Thành phố H) ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Cố ý gây thương tích"

Ngày 28/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định khởi tố đối với Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Nguyễn Trọng C, Nguyễn Xuân T3, Lê Thành P, Lê Xuân H3, Trịnh Văn Đ1, Trần Văn Đ5 về tội "Cố ý gây thương tích".

Đối với Trần Văn Đ5, quá trình điều tra xác định Đ5 đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Quốc tế T10 ngày 13/7/2022 bằng hộ chiếu số C3957279, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh. Gia đình của Trần Văn Đ5 cung cấp thông tin Đ5 đã xuất cảnh qua Nhật Bản để làm ăn sinh sống từ năm 2017. Ngày 25/10/2023, Công an xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) đã xóa hộ khẩu thường trú của Trần Văn Đ5. Ngày 19/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định truy nã, tách vụ án. Tạm đình chỉ điều tra để truy bắt xử lý sau.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 384/GĐPY/2016 ngày 24/6/2016 của trung tâm P2 – Sở y tế tỉnh Đ đối với bị hại Trần Hữu T7:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương gãy đốt 2 ngón I bàn tay trái, tỷ lệ 02%.

- Vết thương nếp khuỷa trái kích thước 08 x 0,2cm và vết thương đốt 2 ngón I bàn tay trái kích thước 04 x 0,2 cm, tỷ lệ 03%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định 05%
.

3. Kết luận khác:

- Chấn thương đầu, mặt và cẳng tay trái do vật tày.
- Thương tích nếp khuỷa trái và bàn tay trái do vật sắc.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 385/GĐPY/2016 ngày 02/6/2016 của trung tâm P2 – Sở y tế tỉnh Đ đối với bị hại Nguyễn Văn H4:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương mẻ bản ngoài xương sọ vùng đỉnh trái dài 05 cm, tỷ lệ 10%.
- Tổn thương gãy 1/3 dưới xương trụ trái, tỷ lệ 06%.
- Vết thương đỉnh chẩm trái để lại sẹo kích thước 10 x 0,2cm, tỷ lệ 03%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định 18%
.

3. Kết luận khác:

- Thương tích đầu do vật sắc.
- Chấn thương cánh tay phải và cẳng tay trái do vật tày.

Đối với Dư Việt D2 ngày 16/9/2018 bị bệnh đã chết. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Lê Bảo Thành N trong quá trình tham gia giải hòa thì bị Trần Hữu T7 dùng ly thủy tinh đánh vào đầu gây rách da vùng đỉnh đầu, chảy máu N đã có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và từ chối giám định thương tích nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với Lê Văn Đ2 trong quá trình xô xát có thương tích nhưng đã có đơn không yêu cầu giám định, không yêu cầu xử lý hình sự.

Đối với Nguyễn Trọng Đ4 không tham gia đánh nhau, chỉ đưa N đi cấp cứu. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với Nguyễn Thị G chưa xác định rõ nhân thân. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục truy tìm xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Dư Việt D2 đã bồi thường cho phía các bị hại số tiền 100.000.000 đồng. Các bị hại nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 108/CT-VKS - DA ngày 21/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Lê Bảo Thành N cùng các đồng phạm về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (gọi tắt Bộ luật hình sự).

Qúa trình thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh) trả hồ sơ điều tra bổ sung yêu cầu những vấn đề

+ Thu thập hồ sơ bệnh án trong việc Lê Bảo Thành N, Lê Văn Đ2 bị thương tích, đi điều trị vào ngày 01/5/2016. Giám định tỷ lệ % thương tích đối với Lê Bảo Thành N và Lê Văn Đ2.

+ Làm rõ thiệt hại về tài sản của quán K địa chỉ B đường M, khu phố Đ, phường D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) khi xảy ra vụ "Cố ý gây thương tích" vào ngày 01/5/2016. Thiệt hại về tài sản do ai gây ra ? Định giá tài sản thiệt hại này. Trách nhiệm dân sự bồi thường các tài sản này.

+ Xem xét về tội danh "Gây rối trật tự công cộng" đối với nhóm bị cáo Lê Bảo Thành N (và đồng phạm) với nhóm bị hại Trần Hữu T7 xảy ra ngày 01/5/2016 tại quán K.

Quá trình điều tra bổ sung làm rõ

Kết luận định giá tài sản số 61/KLĐG -HĐĐGTS ngày 17/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự UBND thành phố D (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) kết luận tài sản thiệt hại tại quán K vào ngày 01/5/2016 thiệt hại tổng 1.349.000 đồng (bút lục số 944), chị Chị Đinh Thị T8 không yêu cầu bồi thường

Không tiến hành giám định được thương tích đối với Lê Bảo Thành N do N bị thương tích từ năm 2016 (đã lâu), không thu thập được hồ sơ bệnh án và giấy chứng nhận thương tích, không xác định rõ được các thương tích (bút lục số 947)

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống đối với Lê Văn Đ2 ngày 21/5/2025 xác định Đ2 bị thương tích 1% (bút lục số 967-968)

Đối với tội "Gây rối trật tự công cộng". Do không thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm nên không xem xét.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và đưa ra quan điểm

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Nguyễn Trọng C, Lê Thành P, và Trịnh Văn Đ1 mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Xuân H3 mức án từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T3 mức án từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng thu giữ.

Bài bào chữa của luật sư cho bị cáo Lê Văn T2: Thống nhất với cáo trạng truy tố, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát trình bày tại phiên Tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm, xuất phát mâu thuẫn từ đầu là do nhóm các bị hại T7, H4 có lỗi trước gây ra. Nhóm các bị hại làm mất thẻ xe, người bảo vệ và nhân viên yêu cầu nhóm bị hại mang giấy tờ chứng minh về nhân thân, chủ sở hữu xe ra để đối chiếu cho lấy xe. Yêu cầu này hoàn toàn phù hợp và đúng. Nhưng nhóm bị hại có hành vi chửi xô xát trước với bị cáo Lê Văn T2 và anh Phan Văn H5. Sau đó khi bị cáo N và V1 dẫn xe đi đám cưới chứng kiến việc xô xát đã đến giảng hòa , bắt tay. Sự việc chấm dứt, nhưng sau đó nhóm bị hại kéo ra đông gây áp lực, bản thân bị hại T7 dùng ly thủy tinh đập vào đầu bị cáo N, sau đó cả nhóm tấn công bị hại. Khi chủ quán Karaoke là Dư Việt D2 ra can ngăn còn bị đánh, do vậy anh D2 lấy dao đuổi chém nhóm bị hại ,lúc này bị cáo T2 và các bị cáo trong vụ án mới sử dụng vật dụng hiện có đánh trả nhóm bị hại. Do vậy, đề

nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T2 có tình tiết giảm nhẹ phạm tội như phạm tội do bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật người bị hại gây ra, bị cáo T2 chưa có tiền án, tiền sự, hành vi của bị cáo T2 rất hạn chế trong vụ án. Đề nghị áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T2 mức hình phạt thấp nhất dưới khung hình phạt do điều luật quy định.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp. Luật sư bào chữa thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo T2. Đại diện Viện kiểm sát không tranh tụng, đối với các tình tiết giảm nhẹ khác, việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự. Do Hội đồng xét xử quyết định.

Các bị cáo Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Nguyễn Trọng C, Lê Thành P, và Trịnh Văn Đ1 và Nguyễn Xuân T3 không tranh luận, bào chữa cho hành vị phạm tội của mình

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất để sớm về chăm sóc gia đình người thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Bị cáo Lê Bảo Thành N và các đồng phạm có hành vi vi phạm pháp luật vào ngày 01/5/2016 tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên đối chiếu khoản 2 Điều 134 về tội "Cố ý gây thương tích", Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực ngày 01/01/2018. Thì nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Vì vậy, Viện kiểm sát áp dụng điều luật quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 để truy tố, xét xử đối với bị cáo Lê Bảo Thành N cùng các đồng phạm là phù hợp pháp luật.

[1.2] Bị cáo Lê Xuân H3 có yêu cầu xét xử vắng mặt, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo. Vào ngày 01/5/2016 tại quán K địa chỉ phường D, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo N, V1, T2, P, T3, H3, Trịnh Văn Đ1, C cùng với Dư Việt D2 (đã chết), Trần Văn Đ5 (đang bị truy nã), Nguyễn Thị G (không xác định được địa chỉ) đã sử dụng cây dựa, cây quạt, cán chổi lau nhà, quét nhà bằng inox, búa dùng đập mực, tuýp … đuổi đánh Trần Hữu T7, Nguyễn

Văn H4, Lê Văn Đ2, Nguyễn Hữu Đ3, Hà Huy N3, Nguyễn Hữu L3. Hậu quả T7 bị thương tích 5%, H4 bị thương tích 18%. Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích " quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[3] Bản cáo trạng số 108/CT – VKS ngày 21/02/2025 của Viện kiểm sát khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo cũng như luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo tại phiên toà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T3 chấp hành xong hình phạt tù 36 tháng tại bản án số 105 ngày 21/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 05/3/2015, ngày 1/5/2016 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà tất cả các bị cáo thành khẩn báo nhận tội, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động và cùng gia đình Dư Việt D2 bồi thường cho bị hại T7, H4. Bị hại T7, H4 có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Trong vụ án này cũng xem xét phía bị hại T7, H4 và nhóm đi cùng T7, H4 có phần lỗi gây sự trước, đuổi đánh bị cáo Lê Bảo Thành N, Lê Văn T2 trước mới dẫn đến sự việc các bị cáo phạm tội; Bị cáo N hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bản thân nuôi 02 người con còn nhỏ, nuôi mẹ bị bệnh tai biến, nuôi em bị bệnh tâm thần; bị cáo Lê Xuân H3 có cha ruột Lê Xuân P1 có tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế trong khoảng thời gian nhất định, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo N, T2, P, Văn Đ5 và C có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự. Ngoài ra xem xét bị cáo V1, T3, H3 đã từng xử phạt hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma túy (V1), bị xét xử hình sự (T, H3). Đã thể hiện việc không chấp hành pháp luật và tính hướng thiện bản thân.

[7] Về tính chất mức độ tội phạm: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 6 năm tù. Các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe bị hại T7, H4 được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn trong xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm các bị cáo đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn do không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng bị cáo. Các bị cáo trong vụ án tham gia với vai trò thực hành.

[9] Đối với bị cáo Lê Bảo Thành N, Lê Văn T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xuất phát từ việc sai trái phía bị hại. Bị cáo N, T2 đã ra can ngăn, hòa giải nhưng bị chửi, đuổi đánh, bản thân N4 bị T7 dùng ly thủy tinh đập vào đầu gây thương tích. Bị cáo C tham gia với vai trò hạn chế, bị cáo đang mắc bệnh tim bẩm sinh do di truyền. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử xử phạt mức hình phạt bị cáo N4, T2, C mức hình phạt dưới mức khung hình phạt quy định cũng có tác dụng giáo dục răn đe thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Đối với các bị cáo V1, P, T3, H3, Đ5. Hội đồng xét xử xem xét tính chất vai trò, nhân thân các bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[11] Đối với bị cáo Lê Xuân H3 đang chấp hành hình phạt 03 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 116 ngày 19/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 -Thành phố Hồ Chí Minh). Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[12] Trong vụ án còn có Dư Việt D2 tham gia, hiện D2 đã chết năm 2018, đối với Trần Văn Đ5 đã có quyết định khởi tố bị can, ra quyết định truy nã, Nguyễn Thị G không rõ nhân thân khi nào bắt được xử lý sau.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn H4, Trần Hữu T7 đã được bồi thường và không có yêu cầu bời thường gì khác. Hội đồng xét xử không xét

[14] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ dụng cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Cần tịch thu tiêu hủy.

[15] Đối với bài bào chữa của luật sư đưa ra các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T2 phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Vì vậy được chấp nhận.

[16] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra tình tiết tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và việc xử lý vật chứng, việc tổng hợp bản án đối với bị cáo H3. Mức hình phạt bị cáo H3, T3 phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Đối với mức hình phạt các bị cáo N4, V1, T2, P, Đ5, C có phần nghiêm khắc. Do vậy, Hội đồng xét xử xử mức hình phạt các bị cáo trên mức hình phạt thấp hơn so với mức hình phạt đại diện viện kiểm sát đề nghị.

[17] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Lê Thành P, Nguyễn Xuân T3, Lê Xuân H3, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Trọng C phạm tội "Cố ý gây thương tích"

1.1 Căn cứ vào điểm h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 đối với các bị cáo Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Lê Thành P, Nguyễn Xuân T3, Lê Xuân H3, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Trọng C

1.2 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Bảo Thành N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2024, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016

1.3 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Nguyễn Tấn V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2024, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016

1.4 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2024, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016

1.5 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thành P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2024, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016

1.6 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,e, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T3 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/10/2024, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016

1.7 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,e, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân H3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 116 ngày 19/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 -Thành phố Hồ Chí Minh). Buộc bị cáo H3 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2023, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2021 đến ngày 20/01/2022.

1.8 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, e, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Đ1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2024, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016

1.9 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b,e, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng C 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được tính trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 01/5/2016 đến ngày 10/5/2016, thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2024 đến ngày 15/01/2025.

Tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03 ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Trọng C cho đến khi bị cáo bị bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp

2.1 Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 động cơ quạt máy có cánh quạt và vỏ bao bên ngoài; 10 miếng bê tông gạch block bị bể; 01 cây rựa dài khoảng 60cm có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại màu đen; 01 cây rìu dài khoảng 50cm, cán cầm bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại sắc; 01 con dao cán cầm màu đen bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại màu trắng sắc nhọn, dài khoảng 30cm (thường gọi dao Thái Lan); 01 cây búa dùng để đập mực bằng kim loại màu trắng sáng; 01 đoạn tuýp kim loại tròn, dài khoảng 50cm; 01 đoạn ống kim loại bọc nhựa màu xanh dài khoảng 50cm; 01 cây búa đóng đinh dài khoảng 30cm; 03 cán cây chổi; 01 cây gậy tre; 01 thân cây quạt đứng; 03 mũ bảo hiểm; 01 thùng nhựa đá; 01 chiếc bàn nhựa bị bể màu xanh

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thánh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q khoá 14.

Các bị cáo Lê Bảo Thành N, Bùi Nguyễn Tuấn V1, Lê Văn T2, Lê Thành P, Nguyễn Xuân T3, Lê Xuân H3, Trịnh Văn Đ1, Nguyễn Trọng C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- THADS TP. Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam khu vực Dĩ An (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh